

PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ

**Dự án: Cải tạo, XDM đường dây 22kV nối lưới các phát tuyến 22kV
thuộc các trạm 110kV Vĩnh Lợi - Hòa Bình - Hòa Lợi - Hòa Phú - Bàu
Bèo - Vĩnh Trường**

Tên dự án : Cải tạo, XDM đường dây 22kV nối lưới các phát tuyến 22kV thuộc các
trạm 110kV Vĩnh Lợi - Hòa Bình - Hòa Lợi - Hòa Phú - Bàu Bèo - Vĩnh
Trường

Kế hoạch năm: 2026

Địa điểm : Phường Bình Dương, Phường Vĩnh Tân, Phường Tân Hiệp, Xã Bắc
Tân Uyên – Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Cơ sở lập dự án:

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc Hội nước Cộng
hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã
hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ Quy định chi
tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số: 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về việc quy
định chi tiết một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 04/03/2025 của Chính phủ “Quy định chi tiết
thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực”;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương về việc
“Quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng”;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng Quy định về
phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-HĐTV ngày 18/4/2022 của Hội đồng thành viên Tập
đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Suất vốn đầu tư xây dựng công trình lưới điện phân
phối cấp điện áp đến 35kV;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-HĐTV ngày 26/11/2021 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy chế về công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 144/QĐ-HĐTV ngày 29/12/2023 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định hướng dẫn phân cấp trong các dự án đầu tư xây dựng, trang bị tài sản cố định, ứng dụng công nghệ thông tin trong Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ hiện trạng lưới điện trung thế cấp điện trên địa bàn Công ty Điện lực Bình Dương quản lý.

2. Mục tiêu dự án:

2.1 Hạng mục 1: XDM đường dây cấp nguồn cho NR Khu đô thị mới 2: (Bảng vẽ số: 01/14).

- Cấp nguồn 2 cho Trung tâm hành chính Tỉnh Bình Dương(cũ) (Phụ tải quan trọng).

2.2 Hạng mục 2: XDM lưới 22kV để kết lưới với NR đường số 6B và NR VSIP 2, kết hợp lắp dây chống sét: (Bảng vẽ số: 02/14).

- Kết lưới, điều hòa phụ tải giữa tuyến 477 VSIP 2 thuộc TBA 110kV Bàu Bèo, tuyến 478 Foster thuộc TBA 110kV Hòa Phú.

2.3 Hạng mục 3: XDM đường dây trung áp 2 mạch kết lưới Tuyến 478 Đông Á và Tuyến 472 Bến Đồn; NR Nam Kim và Tuyến 471 Kim Oanh; kết hợp lắp dây chống sét: (Bảng vẽ số: 03/14).

- Kết lưới, điều hòa phụ tải giữa Tuyến 478 Đông Á và Tuyến 472 Bến Đồn, NR Nam Kim và Tuyến 471 Kim Oanh thuộc TBA 110kV Hòa Lợi.

2.4 Hạng mục 4: XDM đường dây trung áp 2 mạch kết lưới NR Đồng An 2 và Tuyến 471 Kim Oanh; NR VSIP 2 và Tuyến 472 Bến Đồn; kết hợp lắp dây chống sét: (Bảng vẽ số: 04-05/14).

- Kết lưới, điều hòa phụ tải giữa NR Đồng An 2 và Tuyến 471 Kim Oanh; NR VSIP 2 và Tuyến 472 Bến Đồn thuộc TBA 110kV Hòa Lợi.

2.5 Hạng mục 5: XDM lưới 22kV để kết lưới với NR đường số 19 và Tuyến 474 Mai Thù, kết hợp lắp dây chống sét: (Bảng vẽ số: 06/14).

- Kết lưới, điều hòa phụ tải giữa NR đường số 19 và Tuyến 474 Mai Thù thuộc TBA 110kV Hòa Bình.

2.6 Hạng mục 6: XDM lưới 22kV để kết lưới với NR đường số 20 và Tuyến 474 mai Thù, kết hợp lắp dây chống sét: (Bảng vẽ số: 07/14).

- Kết lưới, điều hòa phụ tải giữa NR đường số 20 và Tuyến 474 Mai Thù thuộc TBA 110kV Hòa Bình.

2.7 Hạng mục 7: XDM đường dây 22kV kết lưới NR Nôi lưới Hòa Bình và Tuyến 475 Thanh Hoa, kết hợp lắp dây chống sét: (Bảng vẽ số: 08/14).

- Kết lưới, điều hòa phụ tải giữa NR Nôi lưới Hòa Bình và Tuyến 475 Thanh Hoa thuộc TBA 110kV Hòa Bình.

2.8 Hạng mục 8: Nâng cấp NR cấp điện tạm đường D3 từ trụ 11-65; XDM đường dây 22kV kết lưới NR cấp điện tạm đường D3 và NR nôi lưới đường D3 VSIP II-A; kết hợp lắp đặt đường dây chống sét: (Bảng vẽ số: 09/14).

- Kết lưới, điều hòa phụ tải giữa NR cấp điện tạm đường D3 và Tuyến 471 Vĩnh Tân thuộc TBA 110kV Hòa Bình.
- Nâng cấp đường dây hiện hữu từ dây trần thành dây bọc, tăng cường khả năng cấp điện.

2.9 Hạng mục 9: XDM đường dây 22kV kết lưới Tuyến 480 Giai Mỹ và Tuyến 471 Vĩnh Tân (từ trụ 20-76); NCCT NR đường số 33 (Bảng vẽ số: 10/14).

- Kết lưới, điều hòa phụ tải giữa Tuyến 480 Giai Mỹ và Tuyến 471 Vĩnh Tân thuộc TBA 110kV Hòa Bình.
- Nâng cấp đường dây hiện hữu từ dây trần thành dây bọc, tăng cường khả năng cấp điện.

2.10 Hạng mục 10: XDM lưới 22kV để kết lưới với NR đường số 23 và Tuyến 473 Nissin, kết hợp lắp dây chống sét: (Bảng vẽ số: 11/14).

- Kết lưới, điều hòa phụ tải giữa NR đường số 23 và Tuyến 473 Nissin thuộc TBA 110kV Hòa Bình.

2.11 Hạng mục 11: XDM lưới 22kV để kết lưới với NR đường số 24 và Tuyến 473 Nissin, kết hợp lắp dây chống sét: (Bảng vẽ số: 12/14).

- Kết lưới, điều hòa phụ tải giữa NR đường số 24 và Tuyến 473 Nissin thuộc TBA 110kV Hòa Bình.

2.12 Hạng mục 12: Nâng cấp tuyến 476 Nam sung từ 1 mạch lên 2 mạch để kết lưới Tuyến 473 Nissin và Tuyến 471 Vĩnh Tân (từ trụ 66-93), kết hợp lắp dây chống sét: (Bảng vẽ số: 13/14).

- Kết lưới, điều hòa phụ tải giữa Tuyến 473 Nissin và Tuyến 471 Vĩnh Tân thuộc TBA 110kV Hòa Bình.
- Nâng cấp đường dây hiện hữu từ dây trần thành dây bọc, tăng cường khả năng cấp điện

2.13 Hạng mục 13: Nâng cấp NR đường số 31 nối dài từ 1 mạch lên 2 mạch sử dụng cáp 2x(3xACXH240mm²)/AC240mm²: (Bảng vẽ số: 14/14).

- Nâng cấp đường dây hiện hữu từ 1 mạch lên 2 mạch, tăng cường khả năng cấp điện.
- Kết lưới, điều hòa phụ tải giữa Tuyến 478 Liên Hưng thuộc trạm 110kV Vĩnh Lợi và Tuyến 476 Nam Sung thuộc TBA 110kV Hòa Bình

3. Hiện trạng lưới điện:

- Hiện trạng mang tải các TBA 110kV Vĩnh Lợi - Hòa Bình - Hòa Lợi - Hòa Phú - Bàu Bè - Vĩnh Trường:

STT	Trạm	MBA	Tỉ lệ mang tải
1	Bàu Bè	T1-Bàu Bè	52,96%
2	Bàu Bè	T2-Bàu Bè	67,50%
3	Hòa Bình	T1-Hòa Bình (VSIP2MR)	44,77%
4	Hòa Bình	T2-Hòa Bình (VSIP2MR)	60,08%
5	Hòa Lợi	T1-Hòa Lợi (T5)	80,86%
6	Hòa Lợi	T2-Hòa Lợi (T5)	77,33%
7	Hòa Phú	T1-Hòa Phú (T4)	72,63%
8	Hòa Phú	T2-Hòa Phú (T4)	49,92%

STT	Trạm	MBA	Tỉ lệ mang tải
9	Vĩnh Lợi	T1-Vĩnh Lợi	35,42%
10	Vĩnh Lợi	T2-Vĩnh Lợi	57,56%
11	Vĩnh Trường	T1-Vĩnh Trường (Bàu Bèo-T1)	69,79%
12	Vĩnh Trường	T2-Vĩnh Trường (Bàu Bèo-T1)	66,21%

3.1 Hạng mục 1:

- Hiện trạng phụ tải NR Khu đô thị mới 2 hiện hữu:

Stt	Nhánh rẽ/phát tuyến	Tiết diện dây hiện hữu	Chiều dài	Dòng tải hiện hữu	Số lượng KH hiện hữu	Ghi chú
1	NR Khu Đô thị mới 2	CXV/DSTA 240mm ²	3000	150	30	NR hiện hữu đang cấp điện cho các phụ tải quan trọng

- Hiện NR Khu đô thị mới 2 đang cấp điện cho nhiều phụ tải quan trọng (TTHC tỉnh Bình Dương (cũ), các ngân hàng BIDV, Vietcombank, kho lưu trữ dữ liệu,....

3.2 Hạng mục 2:

- Hiện trạng phụ tải NR đường số 6B và NR VSIP 2 hiện hữu:

Stt	Nhánh rẽ/phát tuyến	Tiết diện dây hiện hữu	Chiều dài	Dòng tải hiện hữu	Số lượng KH hiện hữu	Ghi chú
1	NR đường số 6B	240/185	800	100	20	
2	NR VSIP 2	240/185	3000	300	150	

- Hiện NR đường số 6B đang nhận nguồn tuyến 478 Foster – trạm 110kV Hòa Phú, đường dây không có kết lưới, không có khả năng phân tải nên cần xây dựng đường dây để kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện cho khách hàng.

3.3 Hạng mục 3:

- Hiện trạng phụ tải Tuyến 478 Đông Á và Tuyến 472 Bến Đồn; NR Nam Kim và Tuyến 471 Kim Oanh hiện hữu:

Stt	Nhánh rẽ/phát tuyến	Tiết diện dây hiện hữu	Chiều dài	Dòng tải hiện hữu	Số lượng KH hiện hữu	Ghi chú
1	Tuyến 478 Đông Á	240/185	1500	349	70	
2	Tuyến 472 Bến Đồn	240/185	2000	324	50	
3	NR Nam Kim	240/185	1500	200	5	
4	Tuyến 471 Kim Oanh	240/185	2000	210	70	

- Hiện Tuyến 478 Đông Á và Tuyến 472 Bến Đồn; NR Nam Kim và Tuyến 471 Kim Oanh: các đường dây không có kết lưới, không có khả năng phân tải nên cần xây dựng đường dây để kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện cho khách hàng

3.4 Hạng mục 4:

- Hiện trạng phụ tải NR Đồng An 2 và Tuyến 471 Kim Oanh; NR VSIP 2 và Tuyến 472 Bến Đồn hiện hữu:

Stt	Nhánh rẽ/phát tuyến	Tiết diện dây hiện hữu	Chiều dài	Dòng tải hiện hữu	Số lượng KH hiện hữu	Ghi chú
1	NR Đồng An 2	240/185	2500	400	100	
2	Tuyến 472 Bến Đồn	240/185	2000	324	50	
3	NR VSIP 2	240/185	3000	300	150	
4	Tuyến 471 Kim Oanh	240/185	2000	210	70	

- Hiện NR Đồng An 2 và Tuyến 471 Kim Oanh; NR VSIP 2 và Tuyến 472 Bến Đồn: các đường dây không có kết lưới, không có khả năng phân tải nên cần xây dựng đường dây để kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện cho khách hàng.

3.5 Hạng mục 5:

- Hiện trạng phụ tải NR đường số 19 và Tuyến 474 Mai Thụ hiện hữu:

Stt	Nhánh rẽ/phát tuyến	Tiết diện dây hiện hữu	Chiều dài	Dòng tải hiện hữu	Số lượng KH hiện hữu	Ghi chú
1	NR đường số 19	120/95	600	50	3	
2	Tuyến 474 Mai Thụ	240/185	2000	163	50	

- Hiện NR đường số 19 đang nhận nguồn tuyến 478 Dân Chủ - trạm 110kV Hòa Bình, đường dây không có kết lưới, không có khả năng phân tải nên cần xây dựng đường dây để kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện cho khách hàng.

3.6 Hạng mục 6:

- Hiện trạng phụ tải NR đường số 20 và Tuyến 474 Mai Thụ hiện hữu:

Stt	Nhánh rẽ/phát tuyến	Tiết diện dây hiện hữu	Chiều dài	Dòng tải hiện hữu	Số lượng KH hiện hữu	Ghi chú
1	NR đường số 20	120/95	700	60	5	
2	Tuyến 474 Mai Thụ	240/185	2000	163	50	

- Hiện NR đường số 20 đang nhận nguồn tuyến 475 Thanh Hoa - trạm 110kV Hòa Bình, đường dây không có kết lưới, không có khả năng phân tải nên cần xây dựng đường dây để kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện cho khách hàng.

3.7 Hạng mục 7:

- Hiện trạng phụ tải NR Nối lưới Hòa Bình và Tuyến 475 Thanh Hoa hiện hữu:

Stt	Nhánh rẽ/phát tuyến	Tiết diện dây hiện hữu	Chiều dài	Dòng tải hiện hữu	Số lượng KH hiện hữu	Ghi chú
1	NR Nối lưới Hòa Bình	240/185	1000	150	400	
2	Tuyến 475 Thanh Hoa	240/185	1000	30	5	

- Hiện NR Nối lưới Hòa Bình đang nhận nguồn tuyến 480 Mapletree - trạm 110kV Hòa Phú, đường dây không có kết lưới, không có khả năng phân tải nên cần xây dựng đường dây để kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện cho khách hàng.

3.8 Hạng mục 8:

- Hiện trạng phụ tải NR cấp điện tạm đường D3 và NR nối lưới đường D3 VSIP II-A hiện hữu:

Stt	Nhánh rẽ/phát tuyến	Tiết diện dây hiện hữu	Chiều dài	Dòng tải hiện hữu	Số lượng KH hiện hữu	Ghi chú
1	NR cấp điện tạm đường D3	70/50	3000	50	8	
2	NR nối lưới đường D3 VSIP II-A	240/185	1000	70	30	

- Hiện NR cấp điện tạm đường D3 đang nhận nguồn tuyến 471 Vĩnh Tân - trạm 110kV Hòa Bình, đường dây trần có tiết diện nhỏ, không đảm bảo cung cấp điện cho khách hàng nên cần nâng cấp, cải tạo.
- NR nối lưới đường D3 VSIP II-A đang nhận nguồn tuyến 480 Mapletree - trạm 110kV Hòa Phú, đường dây không có kết lưới, không có khả năng phân tải nên cần xây dựng đường dây để kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện cho khách hàng.

3.9 Hạng mục 9:

- Hiện trạng phụ tải Tuyến 480 Giai Mỹ và Tuyến 471 Vĩnh Tân, NR đường số 33 hiện hữu:

Stt	Nhánh rẽ/phát tuyến	Tiết diện dây hiện hữu	Chiều dài	Dòng tải hiện hữu	Số lượng KH hiện hữu	Ghi chú
1	Tuyến 480 Giai Mỹ	240/185	1500	414	200	
2	Tuyến 471 Vĩnh Tân	240/185	3000	300	150	
3	NR đường số 33	240/185	800	150	30	

- Hiện NR đường số 33 đang nhận nguồn tuyến 471 Vĩnh Tân - trạm 110kV Hòa Bình, đường dây trần, 1 mạch nên cần nâng cấp, cải tạo để tăng cường khả năng cung cấp điện cho khách hàng.
- Tuyến 480 Giai Mỹ và Tuyến 471 Vĩnh Tân: đường dây không có kết lưới, không có khả năng phân tải nên cần xây dựng đường dây để kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện cho khách hàng.

3.10 Hạng mục 10:

- Hiện trạng phụ tải NR đường số 23 và Tuyến 473 Nissin hiện hữu:

Stt	Nhánh rẽ/phát tuyến	Tiết diện dây hiện hữu	Chiều dài	Dòng tải hiện hữu	Số lượng KH hiện hữu	Ghi chú
1	NR đường số 23	120/95	700	70	10	
2	Tuyến 473 Nissin	240/185	2000	509	400	

- Hiện NR đường số 23 đang nhận nguồn tuyến 480 Giai Mỹ - trạm 110kV Hòa Bình, đường dây không có kết lưới, không có khả năng phân tải nên cần xây dựng đường dây để kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện cho khách hàng.

3.11 Hạng mục 11:

- Hiện trạng phụ tải NR đường số 24 và Tuyến 473 Nissin hiện hữu:

Stt	Nhánh rẽ/phát tuyến	Tiết diện dây hiện hữu	Chiều dài	Dòng tải hiện hữu	Số lượng KH hiện hữu	Ghi chú
1	NR đường số 24	120/95	700	90	18	
2	Tuyến 473 Nissin	240/185	2000	509	400	

- Hiện NR đường số 24 đang nhận nguồn tuyến 480 Giai Mỹ - trạm 110kV Hòa Bình, đường dây không có kết lưới, không có khả năng phân tải nên cần xây dựng đường dây để kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện cho khách hàng.

3.12 Hạng mục 12:

- Hiện trạng phụ tải Tuyến 473 Nissin và Tuyến 471 Vĩnh Tân hiện hữu:

Stt	Nhánh rẽ/phát tuyến	Tiết diện dây hiện hữu	Chiều dài	Dòng tải hiện hữu	Số lượng KH hiện hữu	Ghi chú
1	Tuyến 471 Vĩnh Tân	240/185	3000	300	150	
2	Tuyến 473 Nissin	240/185	2000	509	400	

- Hiện Tuyến 473 Nissin và Tuyến 471 Vĩnh Tân đang nhận nguồn trạm 110kV Hòa Bình, đường dây không có kết lưới, không có khả năng phân tải nên cần xây dựng đường dây để kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện cho khách hàng.

3.13 Hạng mục 13:

- Hiện trạng phụ tải NR đường số 31 nối dài hiện hữu:

Stt	Nhánh rẽ/phát tuyến	Tiết diện dây hiện hữu	Chiều dài	Dòng tải hiện hữu	Số lượng KH hiện hữu	Ghi chú
1	NR đường số 31 nối dài	240/185	800	200	20	

- Hiện NR đường số 31 nối dài đang nhận nguồn tuyến 477 Vĩnh Phú - trạm 110kV Vĩnh Lợi, đường dây hiện hữu chỉ có 1 mạch nên cần nâng cấp cải tạo lên 2 mạch, nối lưới giữa trạm 110kV Vĩnh Lợi và 110kV Hòa Bình để kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện cho khách hàng.

4. Đặc điểm, quy mô dự án:

4.1. Giải pháp kỹ thuật

- Nâng cấp, cải tạo các nhánh rẽ, phát tuyến đường dây tiết diện nhỏ nhưng vận hành với dòng tải cao để đảm bảo cấp điện, giảm tổn thất điện năng, đảm bảo chuyển nguồn chuyển tải khi có sự cố.
- Xây dựng mới đường dây 22kV nổi đảm bảo kết lưới, điều hòa, phân bố phụ tải, khách hàng theo tiêu chí của Tổng Công ty.
- Lắp đặt thiết bị đóng cắt có kết nối SCADA cho đường dây xây dựng mới, cải tạo để đảm bảo phân vùng sự cố, chuyển nguồn chuyển tải theo tiêu chí của Tổng Công ty.
- Các đường dây xây dựng mới sử dụng trụ BTLT 18m để bảo đảm HLAT lưới điện cao áp.
- Kết hợp xây dựng mới đường dây chống sét nhằm giảm sự cố do sét.

4.2 Tổng quy mô công trình

- a) Đường dây trung thế trên không:
 - Đường dây xây dựng mới sử dụng dây 2x(3xACXH_240mm²)/AC_240mm² với chiều dài đơn tuyến là 4.100 mét.
 - Đường dây xây dựng mới sử dụng dây 3xACXH_240mm²/AC_120mm² với chiều dài là 3.900 mét.
 - Đường dây cải tạo nâng cấp sử dụng dây 3xACXH-240/AC_120mm² với chiều dài đơn tuyến là 3.100 mét.
 - Đường dây nâng cấp cải tạo sử dụng dây 2x(3xACXH_240mm²)/AC_240mm² với chiều dài là 7.100 mét
 - Đường dây chống sét sử dụng dây TK 50mm² với chiều dài đơn tuyến là 16.200 mét

b) Đường dây trung thế ngầm:

- Đường dây cáp ngầm xây dựng mới sử dụng cáp đơn pha 12,7kV Cu/XLPE có tiết diện cáp M400mm², 1 cáp/1 pha, 01 lộ gồm 3 cáp (3 pha) đặt trong từng ống riêng biệt với chiều dài là 220m.

c) Thiết bị đóng cắt

- Thiết bị có kết nối SCADA LBS lắp mới: 19 vị trí

4.3 Tổng giá trị khái toán đầu tư:

- Tổng giá trị khái toán : **51.723.047.808** đồng.
- Trong đó:
 - + Chi phí vật tư thiết bị : **25.092.875.804** đồng.
 - + Chi phí xây dựng : **12.743.549.620** đồng.
 - + Chi phí khác : **5.266.114.416** đồng.
 - + Chi phí dự phòng : **4.310.253.984** đồng.
 - + Thuế VAT : **4.310.253.984** đồng.

4.4 Quản lý chất lượng công trình, An toàn lao động và vệ sinh môi trường các dự án ĐTXD:

4.4.1 Đơn vị thiết kế dự án:

- Yêu cầu Nhà thầu khảo sát, tư vấn thiết kế phải tổ chức khảo sát kiểm tra kỹ hiện trường, cập nhật đầy đủ các công trình liên quan vào trong dự án, từ đó đề xuất giải pháp thiết kế - thi công phù hợp, đảm bảo tuân thủ đúng quy định, an toàn và tính khả thi trong quá trình thi công thực tế, đảm bảo chất lượng, an toàn cho công trình xây dựng và các công trình lân cận.

4.4.2 Đơn vị thi công:

- Đối với công trình thực hiện trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đơn vị thi công phải dự trữ đủ khối lượng vật tư sử dụng theo tiến độ thi công, thi công đến đâu thì tập kết vật tư đến đó; trường hợp vật tư không dùng hết thì ngay sau khi thi công phải vận chuyển đi nơi khác, không để rơi vãi trên mặt đường. Tuyệt đối không được tập kết vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng tại những khu vực công cộng (lề đường, công viên,...) và chưa thi công.
- Nghiêm túc thực hiện lắp rào chắn thi công công trình, bảng thông tin công trường, niêm yết giấy phép thi công theo đúng quy định; tại những tuyến đường có mặt đường hẹp, đường có mật độ phương tiện giao thông lớn, trong quá trình thi công Đơn vị thi công phải bố trí người hướng dẫn, điều khiển giao thông chuyên nghiệp để đảm bảo giao thông an toàn và thông suốt.
- Thi công theo đúng thiết kế và phương án, biện pháp thi công được duyệt; đối với các vị trí nghi ngờ tồn tại hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện hữu trong phạm vi thi công, yêu cầu nhà thầu thi công phải tổ chức khảo sát thăm dò trước khi thi công nhằm đảm bảo an toàn, không ảnh hưởng hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện hữu.

4.4.3 Đơn vị tư vấn giám sát:

- Phải có mặt xuyên suốt tại hiện trường trong quá trình thi công (từ lúc chuẩn bị đến khi kết thúc thi công, hoàn tất dọn dẹp đảm bảo vệ sinh môi trường), triệt để tuân thủ quy định, hướng dẫn của Tập đoàn, Tổng công ty về công tác chụp ảnh thi công và upload trên chương trình IMIS 2.0, đảm bảo chất lượng hình ảnh, thời điểm upload, số lượng hình ảnh diễn hình của từng công tác (lưu ý phải có hình ảnh thể hiện sự có mặt của cán bộ giám sát tại tất cả các vị trí, công tác thi công),... đặc biệt là đối với các bộ phận công trình ngầm, bị che khuất.

4.4.5 Công tác kiểm tra:

- Cán bộ chuyên quản, cán bộ giám sát, Lãnh đạo phụ trách công trình ĐTXD của đơn vị phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong công tác quản lý chất lượng thi công công trình, an toàn lao động và vệ sinh môi trường.
- Kịp thời tổ chức chấn chỉnh, xử lý các vi phạm, tồn tại, đảm bảo an toàn, chất lượng công trình, không ảnh hưởng đến sinh hoạt người dân.

4.4.6 Ảnh hưởng môi trường:

- Đối với các vùng tuyến điện đi qua có thể đưa ra một vài kết luận nhận xét như sau:
 - Về địa hình: Tuy các tuyến điện chủ yếu đi dọc theo các con lộ giao thông vào các thôn, ấp nhưng địa hình của một số tuyến bị trở ngại (như vương kênh, rạch...) nên công tác vận chuyển nguyên vật liệu, thi công và quản lý vận hành cũng không được thuận lợi.
 - Các tác động môi trường được hạn chế trong các giai đoạn thiết kế, xây dựng cũng như trong giai đoạn quản lý vận hành. Những người thiết kế và các chuyên gia môi trường kết hợp giải quyết các vấn đề, cùng đề ra các biện pháp thích hợp.
 - Sau khi hoàn thành việc xây dựng, trong suốt quá trình vận hành, ảnh hưởng còn lại của công trình đối với môi trường tuy vẫn còn nhưng là không đáng kể.
 - Tóm lại, vấn đề ảnh hưởng đến môi trường của dự án này không đáng kể.

5. Hiệu quả đầu tư:

5.1 Hiệu quả về mặt kỹ thuật

- Giảm tải các phát tuyến 22kV, điều hòa, phân bố lại phụ tải phù hợp với tiêu chí của Tổng công ty.

- Bọc hóa lưới điện, tăng cường cấp điện, giảm tổn thất điện năng, đáp ứng nhu cầu phát triển phụ tải trong thời gian tới.
- Kết lưới, điều hòa phụ tải giữa các phát tuyến 22kV và giữa các TBA 110kV, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, giảm thiểu sự cố lưới điện.
- Tình trạng phụ tải dự kiến sau khi thực hiện dự án:

Hạng mục	Nhánh rẽ/phát tuyến	Trước dự án		Sau dự án		Ghi chú
		Dòng tải	Số lượng KH	Dòng tải	Số lượng KH	
1	NR Khu Đô thị mới 2	150	30	150	30	Cấp nguồn dự phòng cho phụ tải quan trọng
2	NR đường số 6B	100	20	100	20	Đầu tư kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện
	NR VSIP 2	300	150	300	150	
3	Tuyến 478 Đông Á	349	70	349	70	Đầu tư kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện
	Tuyến 472 Bến Đồn	324	50	324	50	
	NR Nam Kim	200	5	200	5	
	Tuyến 471 Kim Oanh	210	70	210	70	
4	NR Đồng An 2	400	100	400	100	Đầu tư kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện
	Tuyến 472 Bến Đồn	324	50	324	50	
	NR VSIP 2	300	150	300	150	
	Tuyến 471 Kim Oanh	210	70	210	70	
5	NR đường số 19	50	3	50	3	Đầu tư kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện
	Tuyến 474 Mai Thù	163	50	163	50	
6	NR đường số 20	60	5	60	5	Đầu tư kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện
	Tuyến 474 Mai Thù	163	50	163	50	
7	NR Nối lưới Hòa Bình	150	400	150	400	Đầu tư kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện
	Tuyến 475 Thanh Hoa	30	5	30	5	

Hạng mục	Nhánh rẽ/phát tuyến	Trước dự án	Sau dự án	Ghi chú	Hạng mục	Nhánh rẽ/phát tuyến
8	NR cấp điện tạm đường D3	50	8	50	8	Đầu tư kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện
	NR nối lưới đường D3 VSIP II-A	70	30	70	30	
9	Tuyến 480 Giai Mỹ	414	200	414	200	Đầu tư kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện
	Tuyến 471 Vĩnh Tân	300	150	300	150	
	NR đường số 33	150	30	150	30	
10	NR đường số 23	70	10	70	10	Đầu tư kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện
	Tuyến 473 Nissin	509	400	509	400	
11	NR đường số 24	90	18	90	18	Đầu tư kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện
	Tuyến 473 Nissin	509	400	509	400	
12	Tuyến 471 Vĩnh Tân	300	150	300	150	Đầu tư kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện
	Tuyến 473 Nissin	509	400	509	400	
13	NR đường số 31 nối dài	200	20	200	20	Đầu tư kết lưới, chuyển nguồn đảm bảo cung cấp điện

5.2 Hiệu quả về mặt tài chính, thời gian hoàn vốn

- Phương án huy động vốn như sau: Vốn đầu tư từ vốn vay là 70% và vốn đầu tư từ ngành điện là 30%.
- Đính kèm phân tích hiệu quả kinh tế.

6. Đề xuất tiến độ thực hiện dự án:

- Hoàn thành phê duyệt BCKTKT : Quý I/2026
- Khởi công : Quý II/2026
- Nghiệm thu đưa vào sử dụng : Quý III/2026
- Quyết toán : Quý IV/2026

7. Các bản vẽ: Bản vẽ mặt bằng

Trân trọng kính trình./.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Ban KHVT - EVNHCMC (báo cáo);
- Ban KT - EVNHCMC (báo cáo);
- Phòng KHVT-PCBD (phối hợp);
- Lưu: VT, KTAT (K.3b).

Lê Ngọc Tâm

HCMPC\VIET5LQ(Lê Quốc Việt) 01/10/2025 14:47

Phụ lục Bảng chi tiết khối lượng xây dựng mới, nâng cấp cải tạo lưới trung thế

Stt	Danh mục công trình	Tóm tắt quy mô, khối lượng đầu tư	Đường dây trung thế (mét)			XDM TBĐC		Đường dây chống sét XDM (mét)	Ghi chú
			XDM		Cải tạo 3P	Recloser (kết nối SCADA)	LBS (kết nối SCADA)		
			3P trên không	3P ngầm					
1	XDM đường dây cấp nguồn cho NR Khu đô thị mới 2: (Bảng vẽ số: 01/14).	Đường dây xây dựng mới sử dụng dây 3xACXH_240mm2/AC_120mm2	1.000				1	1.000	
		Đường dây cáp ngầm xây dựng mới sử dụng cáp đơn pha 12,7kV Cu/XLPE có tiết diện cáp M400mm2, 1 cáp/1 pha, 01 lộ gồm 3 cáp (3 pha) đặt trong từng ống riêng biệt		220					
2	XDM lưới 22kV để kết lưới với NR đường số 6B và NR VSIP 2, kết hợp lắp dây chống sét: (Bảng vẽ số: 02/14)	Đường dây xây dựng mới sử dụng dây 3xACXH_240mm2/AC_120mm2	200				1	200	
3	XDM đường dây trung áp 2 mạch kết lưới Tuyến 478 Đông Á và Tuyến 472 Bến Đồn; NR Nam Kim và Tuyến 471 Kim Oanh; kết hợp lắp dây chống sét: (Bảng vẽ số: 03/14).	Đường dây xây dựng mới sử dụng dây 2x(3xACXH_240mm2)/AC_240mm2	200				2	200	

Stt	Danh mục công trình	Tóm tắt quy mô, khối lượng đầu tư	Đường dây trung thế (mét)			XDM TBĐC		Đường dây chống sét XDM (mét)	Ghi chú
			XDM		Cải tạo 3P	Recloser (kết nối SCADA)	LBS (kết nối SCADA)		
			3P trên không	3P ngầm					
4	XDM đường dây trung áp 2 mạch kết lưới NR Đồng An 2 và Tuyến 471 Kim Oanh; NR VSIP 2 và Tuyến 472 Bến Đồn; kết hợp lắp dây chống sét: (Bảng vẽ số: 04-05/14)	Đường dây xây dựng mới sử dụng dây 2x(3xACXH_240mm2)/AC_240mm2	1.300				1	1.300	
5	XDM lưới 22kV để kết lưới với NR đường số 19 và Tuyến 474 Mai Thù, kết hợp lắp dây chống sét: (Bảng vẽ số: 06/14)	Đường dây xây dựng mới sử dụng dây 3xACXH_240mm2/AC_120mm2	200				1	200	
		Đường dây NCCT sử dụng dây 3xACXH_240mm2/AC_120mm2			600			600	
6	XDM lưới 22kV để kết lưới với NR đường số 20 và Tuyến 474 mai Thù, kết hợp lắp dây chống sét: (Bảng vẽ số: 07/14).	Đường dây xây dựng mới sử dụng dây 3xACXH_240mm2/AC_120mm2	250				1	250	
		Đường dây NCCT sử dụng dây 3xACXH_240mm2/AC_120mm2			600			600	

Stt	Danh mục công trình	Tóm tắt quy mô, khối lượng đầu tư	Đường dây trung thế (mét)			XDM TBĐC		Đường dây chống sét XDM (mét)	Ghi chú
			XDM		Cải tạo 3P	Recloser (kết nối SCADA)	LBS (kết nối SCADA)		
			3P trên không	3P ngầm					
7	XDM đường dây 22kV kết lưới NR Nối lưới Hòa Bình và Tuyến 475 Thanh Hoa, kết hợp lắp dây chống sét: (Bảng vẽ số: 08/14)	NCCT đường dây hiện hữu T.478 Dân Chủ (từ trụ 53-95) sử dụng dây 2x(3xACXH_240mm2)/AC_240mm2			1.200		1		
8	Nâng cấp NR cấp điện tạm đường D3 từ trụ 11-65; XDM đường dây 22kV kết lưới NR cấp điện tạm đường D3 và NR nối lưới đường D3 VSIP II-A; kết hợp lắp đặt đường dây chống sét: (Bảng vẽ số: 09/14)	Đường dây xây dựng mới sử dụng dây 2x(3xACXH_240mm2)/AC_240mm2	2.600				5	2.600	
		Đường dây NCCT sử dụng dây 2x(3xACXH_240mm2)/AC_240mm2			3.000			3.000	

Stt	Danh mục công trình	Tóm tắt quy mô, khối lượng đầu tư	Đường dây trung thế (mét)			XDM TBĐC		Đường dây chống sét XDM (mét)	Ghi chú
			XDM		Cải tạo 3P	Recloser (kết nối SCADA)	LBS (kết nối SCADA)		
			3P trên không	3P ngầm					
9	XDM đường dây 22kV kết lưới Tuyến 480 Giai Mỹ và Tuyến 471 Vĩnh Tân (từ trụ 20-76); NCCT NR đường số 33 (Bảng vẽ số: 10/14)	Đường dây xây dựng mới sử dụng dây 3xACXH_240mm2/AC_120mm2	2.100				1	2.100	
		Đường dây NCCT từ 1 mạch lên 2 mạch sử dụng cáp 2x(3xACXH_240mm2)/AC_240mm2			800				
10	XDM lưới 22kV để kết lưới với NR đường số 23 và Tuyến 473 Nissin, kết hợp lắp dây chống sét: (Bảng vẽ số: 11/14).	Đường dây xây dựng mới sử dụng dây 3xACXH_240mm2/AC_120mm2	100				1	100	
		Đường dây NCCT sử dụng dây 3xACXH_240mm2/As_120mm2			900			900	
11	XDM lưới 22kV để kết lưới với NR đường số 24 và Tuyến 473 Nissin, kết hợp lắp dây chống sét: (Bảng vẽ số: 12/14)	Đường dây xây dựng mới sử dụng dây 3xACXH_240mm2/AC_120mm2	50				1	50	
		Đường dây NCCT sử dụng dây 3xACXH_240mm2/AC_120mm2			1.000			1.000	

Stt	Danh mục công trình	Tóm tắt quy mô, khối lượng đầu tư	Đường dây trung thế (mét)		Cải tạo 3P	XDM TBĐC		Đường dây chống sét XDM (mét)	Ghi chú
			XDM			Recloser (kết nối SCADA)	LBS (kết nối SCADA)		
			3P trên không	3P ngầm					
12	Nâng cấp tuyến 476 Nam sung từ 1 mạch lên 2 mạch để kết lưới Tuyến 473 Nissin và Tuyến 471 Vĩnh Tân (từ trụ 66-93), kết hợp lắp dây chống sét: (Bảng vẽ số: 13/14)	Đường dây nâng cấp cải tạo sử dụng dây 2x(3xACXH_240mm2)/As_240mm2			1.300		1	1.300	
13	Nâng cấp NR đường số 31 nối dài từ 1 mạch lên 2 mạch sử dụng cáp 2x(3xACXH240mm2)/AC240mm2: (Bảng vẽ số: 14/14)	Đường dây nâng cấp cải tạo sử dụng dây 2x(3xACXH_240mm2)/AC_240mm2			800		2	800	
Tổng cộng			8.000	220	10.200		19	16.200	